Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước trong tiến trình giải phóng dân tộc

ISSN: 2734-9195 13:05 04/10/2025

Mối tương tác giữa Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước là một biểu hiện đặc thù của truyền thống văn hóa tâm linh Việt Nam. Đó không chỉ là lịch sử đã qua, mà còn là di sản sống động, cần tiếp tục gìn giữ, nuôi dưỡng và phát triển...

Tác giả: **Thích Quảng Minh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Trong suốt chiều dài lịch sử hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã không ngừng vượt qua những thử thách khắc nghiệt của chiến tranh, ngoại xâm và biến động xã hội. Trong hành trình ấy, Phật giáo không chỉ hiện hữu như một sinh hoạt tín ngưỡng phổ biến mà còn đóng vai trò như một nguồn lực tinh thần - văn hóa sâu sắc, góp phần định hình bản sắc dân tộc và hun đúc lý tưởng yêu nước.

Từ những thế kỷ đầu Công nguyên, khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng thích nghi, bén rễ và lan tỏa với tinh thần từ bi, vô ngã, trí tuệ và hòa hợp. Qua các triều đại Lý - Trần - Lê, đạo Phật dần khẳng định vị thế trong đời sống chính trị - xã hội, nơi nhiều thiền sư vừa là bậc đạo hạnh, vừa là nhà cố vấn quốc gia. Hình thái Phật giáo nhập thế - kết hợp giữa hành đạo và phụng sự dân tộc - đã được định hình từ đó.

Bước sang thời kỳ hiện đại, khi đất nước rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều Tăng sĩ đã không đứng ngoài cuộc, mà dấn thân vào các phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, kháng chiến vũ trang, và sau này là các tổ chức như Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước. Phật giáo trở thành một lực lượng đạo đức và tinh thần quan trọng trong tiến trình giải phóng dân tộc.

Việc khảo cứu mối quan hệ giữa Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước giúp làm sáng tỏ vai trò tôn giáo trong lịch sử Việt Nam, đồng thời khơi mở các định hướng mới trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay - nơi đạo pháp và dân tộc cùng song hành.

1. Cơ sở tư tưởng và truyền thống yêu nước trong Phật giáo

1.1 Tư tưởng từ bi, vô ngã và nhập thế trong giáo lý Phật giáo

Giáo lý nhà Phật đề cao việc giải thoát khổ đau không chỉ cho cá nhân mà cho tất cả chúng sinh, được thể hiện qua ba trụ cột: từ bi, trí tuệ và vô ngã. Lòng từ bi (*karuṇā*) chính là động lực để người Phật tử nhập thế hành đạo. Trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, đức Phật đã dạy: “Này các Tỳ kheo, hãy đi khắp thế gian vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho chư thiên và loài người” (*AN I.173*). Điều đó cho thấy tinh thần nhập thế vốn đã nằm trong cốt lõi Phật pháp từ thời sơ khai.

(Ảnh: Internet)

Tư tưởng vô ngã (*anattā*) cũng có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Khi con người vượt thoát bản ngã, họ có thể cống hiến cho cộng đồng mà không vướng mắc vào danh lợi hay quyền lực. Theo Rahula (1974), “tinh thần vô ngã là nền tảng cho đạo đức xã hội Phật giáo, bởi nó giải phóng con người khỏi ích kỷ để hành động

vì lợi ích số đông" (*Rahula, W. [1974]. What the Buddha Taught. Grove Press*).

Trong truyền thống Đại thừa, hình tượng Bồ tát là lý tưởng tu hành nhập thế: không cầu giải thoát riêng mà nguyện "độ tận chúng sinh" rồi mới thành Phật. Điều này được nhấn mạnh trong *Kinh Hoa Nghiêm* với lời nguyện của Bồ tát Phổ Hiền: "Tôi nguyện nơi mỗi kiếp, hiện thân vì tất cả, không bỏ một chúng sinh, cho đến khi đều thành Phật" (*Avataṃsaka Sūtra*).

1.2 Phật giáo thời Lý - Trần: sự kết hợp giữa đạo và đời

Thời Lý - Trần là thời kỳ vàng son của Phật giáo Việt Nam, nơi đạo và đời hòa quyện trong cùng lý tưởng xây dựng quốc gia. Vua Lý Nhân Tông từng tuyên bố: "Ta lấy Phật pháp làm gốc để trị quốc, nếu đạo hưng thì dân yên". (*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, 1998, tr. 223). Vua Trần Nhân Tông, sau khi đánh bại quân Nguyên, đã chọn con đường xuất gia và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm - một dòng thiền mang đậm bản sắc Việt. Trong tác phẩm *Cư trần lạc đạo phú*, ông viết:

"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,

Hễ đói thì ăn, mỏi ngủ liền,

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,

Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền."

(Trần Nhân Tông, trích theo Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, 2001)

Thiền phái Trúc Lâm chủ trương "hòa quang đồng trần", lấy tu tập giữa đời sống thực tế làm con đường giác ngộ, đồng thời gắn bó với vận mệnh dân tộc. Theo Nguyễn Lang (2000), "Phật giáo đời Trần là đỉnh cao của mô hình Phật giáo nhập thế, nơi nhà tu không lánh đời mà đồng hành cùng lịch sử" (*Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học, tr. 147).

1.3 Truyền thống tăng sĩ yêu nước: một dòng chảy liên tục

Trong lịch sử Việt Nam, các vị Tăng sĩ không chỉ là những người tu hành ẩn cư cầu đạo, mà còn là những người đồng hành cùng dân tộc, nhất là trong những thời khắc vận nước lâm nguy. Truyền thống ấy đã hình thành từ rất sớm và kéo dài liên tục qua các triều đại phong kiến, cận - hiện đại, như một **dòng chảy bền bỉ của tinh thần nhập thế trong đạo Phật.**

Thời Lý - Trần, nhiều thiền sư đóng vai trò như quốc sư, nhà chiến lược, hoặc là nguồn lực tinh thần cho vương triều trong cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc. Thiền sư Vạn Hạnh - người phò trợ Lý Công Uẩn lên ngôi - nổi bật như một biểu tượng của trí tuệ, tiên đoán và góp phần ổn định triều chính. Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ (Trần Tung) là anh ruột vua Trần Thánh Tông, không chỉ uyên thâm Phật học mà còn từng cầm quân ra trận (*Nguyễn Lang, 2000*).

Dù Phật giáo suy giảm vai trò chính trị dưới triều Lê - Nguyễn, nhưng tinh thần yêu nước trong giới Tăng sĩ vẫn được duy trì. Tăng sĩ Chân Nguyên (1647-1726), thiền sư danh tiếng thời Lê Trung Hưng, đã viết hàng loạt tác phẩm khuyến thiện, giữ đạo đức và phục hưng Phật pháp. Trong *Đốn ngộ nhập đạo yếu môn*, ông nhấn mạnh: “Tự giác không đủ, cần giác tha. Mình yên chưa đủ, cần làm cho thiên hạ an” (*Chân Nguyên toàn tập*, NXB KHXH, 2004, tr. 121).

Hình minh họa tạo bởi AI

Sang đầu thế kỷ XX, thiền sư Khánh Hòa là người đặt nền móng cho phong trào Chấn hưng Phật giáo miền Nam. Ông cho rằng: “Nước mất thì đạo cũng không còn, đạo muốn hưng thì nước phải yên” (*Tạp chí Từ Bi Âm*, số 7, 1932). Ông cùng Thích Huệ Quang, Thích Thiện Chiếu… mở trường, lập hội, in kinh và tuyên truyền lòng yêu nước thông qua cải cách tôn giáo.

Tư tưởng yêu nước ấy tiếp tục lan rộng khi Phật giáo gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc. Theo Lê Cung (2006), “Nhiều nhà sư đã trở thành chiến sĩ cách mạng, nhà giáo dục, người dẫn đường cho phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX” (*Lê Cung, 2006, Vai trò của Phật giáo trong lịch sử dân tộc*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, tr. 85).

1.4 Tư tưởng Phật giáo như nền tảng đạo đức quốc dân

Ngoài lý tưởng Từ bi và Vô ngã, Phật giáo Việt Nam còn thể hiện qua đời sống văn hóa - đạo đức dân tộc. Những giá trị như hiếu kính, vị tha, hòa thuận, nhẫn nhục - vốn là phẩm chất Phật giáo - đã ăn sâu vào văn hóa dân gian, vào tục ngữ, ca dao, và nếp sống làng xã. Nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh nhận định: "Phật giáo đã Việt hóa qua các chùa làng, hội lễ, gắn bó với số phận và tâm thức người nông dân - từ đó trở thành đạo của dân tộc" (*Nguyễn Duy Hinh, 1995, Phật giáo và văn hóa Việt Nam*, *NXB Tôn giáo, tr. 117).*

Trong thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng đạo đức cách mạng cũng thừa hưởng không ít tinh thần từ bi và hòa hợp của Phật giáo. Bác Hồ từng nói: "Phật giáo đã giúp cho dân tộc ta giữ gìn được nhân tâm trong cảnh loạn lạc. Đó là đóng góp lớn của tôn giáo với nước nhà". (*Hồ Chí Minh toàn tập*, *tập 10, 2000, tr. 201).*

2. Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ cận - hiện đại

2.1 Bối cảnh xã hội Việt Nam thời cận đại và sự thức tỉnh dân tộc

Thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX là thời kỳ đầy biến động với lịch sử dân tộc Việt Nam. Sự xâm lược của thực dân Pháp từ năm 1858 không chỉ làm thay đổi cơ cấu chính trị - xã hội mà còn đặt ra những thách thức sinh tử với văn hóa và bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh đó, các phong trào yêu nước đã dấy lên mạnh mẽ từ Nam chí Bắc, khởi đầu bằng khởi nghĩa vũ trang, tiếp nối bằng các phong trào cải cách văn hóa - giáo dục.

Phật giáo lúc này đang trong giai đoạn suy vi tương đối về mặt tổ chức và ảnh hưởng xã hội do ảnh hưởng của Nho giáo chính thống và chính sách thực dân phân hóa tôn giáo. Tuy nhiên, tinh thần yêu nước trong giới Tăng sĩ và Cư sĩ Phật tử vẫn âm thầm tồn tại, bắt đầu trỗi dậy mạnh mẽ cùng với các phong trào Duy Tân và chấn hưng Phật giáo sau năm 1920.

Theo Trần Văn Giàu (1997), "các nhà sư yêu nước không đứng riêng biệt mà hòa mình vào dòng chảy cách mạng - có khi gián tiếp qua cải cách văn hóa, có khi trực tiếp tham gia chống Pháp, bảo vệ giống nòi" (Trần Văn Giàu, *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam*, tr. 310).

2.2 Vai trò của Phật giáo trong phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục

Phong trào Duy Tân (1905-1908) do Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu khởi xướng không chỉ là một cuộc cải cách chính trị mà còn là phong trào phục hưng văn hóa dân tộc. Phật giáo đã âm thầm đóng vai trò trong việc nuôi dưỡng tinh thần tự lực, khai hóa dân trí và phục hồi đạo đức xã hội. Nhiều ngôi chùa trở thành nơi tổ chức lớp học bình dân, giảng dạy chữ Quốc ngữ, nâng cao dân trí - đúng với tinh thần khai dân trí, chấn dân khí mà phong trào hướng đến.

Năm 1907, Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời và nhanh chóng lan rộng, trong đó nhiều Tăng sĩ tham gia giảng dạy, ủng hộ tài chính hoặc bảo trợ lớp học tại các chùa. Theo Nguyễn Q.Thắng (2004), “chùa chiền trong phong trào Duy Tân không còn là nơi lễ bái đơn thuần mà trở thành trung tâm giáo hóa - văn hóa của làng xã” (Nguyễn Q. Thắng, *Phong trào Duy Tân và tôn giáo*, tr. 162).

2.3 Tăng sĩ yêu nước thế kỷ XIX - XX: những ngọn đuốc tiêu biểu giữa đêm trường nô lệ

Bước sang thập niên 1920-1930, phong trào chấn hưng Phật giáo ra đời không chỉ nhằm chấn chỉnh tông môn, giới luật mà còn gắn liền với công cuộc cứu nước, cứu dân. Các vị Tăng sĩ tiên phong như Thích Thiện Chiếu, Thích Khánh Hòa, Thích Huệ Quang, Thích Từ Phong… đã chủ động mở trường, xuất bản báo chí, in ấn kinh sách, dùng ngòi bút và giáo lý để khơi dậy tinh thần dân tộc.

Hòa thượng Thích Thiện Chiếu, tục danh là Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1898 tại miền Nam Việt Nam, là một trong những vị Tăng sĩ tiên phong trong công cuộc chấn hưng Phật giáo và cổ vũ tinh thần yêu nước - nhập thế qua hoạt động báo chí, giáo dục và hành đạo giữa đời. Ngài xuất thân trong bối cảnh đất nước đang bị thực dân Pháp đô hộ, Phật giáo suy vi và xã hội Việt Nam đứng trước yêu cầu canh tân.

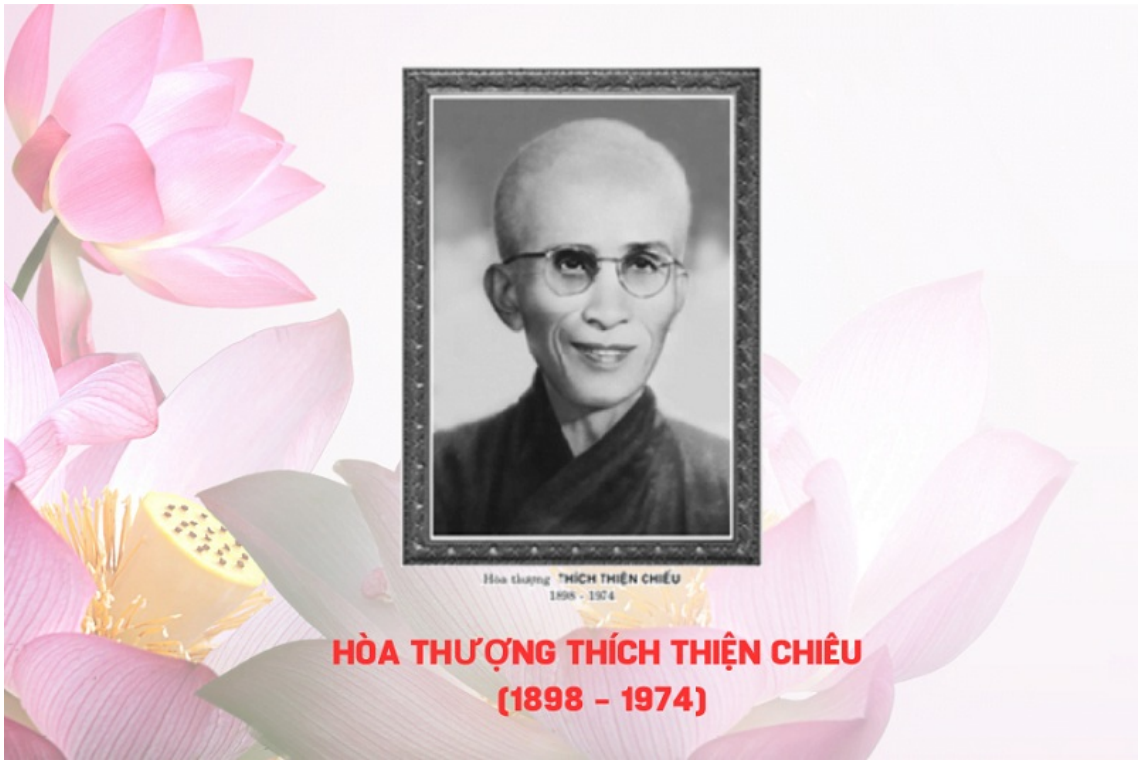

(Ảnh: Internet)

Sau thời gian tu học trong nước, Ngài được gửi sang Nhật Bản để nghiên cứu Phật học và tiếp xúc với tư tưởng mới. Tại đây, Thích Thiện Chiếu tiếp thu cả Phật học Đại thừa và tư tưởng khai sáng phương Tây. Trở về nước, Ngài trở thành một trong những người đi đầu trong việc kết hợp giữa **Phật giáo truyền thống và lý tưởng dân tộc độc lập**.

Trong những năm 1930-1940, Ngài chủ trương truyền bá Phật pháp thông qua **báo chí và giáo dục**, sáng lập hoặc cộng tác với các tờ báo như *Duy Tâm Phật học*, *Pháp Âm*, *Phật Học Tùng Thư*,... để cổ vũ tinh thần chấn hưng đạo pháp và khơi dậy lòng tự tôn dân tộc. Ngài từng viết trong *Duy Tâm Phật học* (1934): “Muốn Phật giáo hưng thịnh, thì dân phải tự cường, nước phải độc lập. Mỗi Tăng sĩ cũng là một công dân có trách nhiệm với vận mệnh quốc gia.” (*Duy Tâm Phật học*, số 3, 1934)

Một nhân vật nổi bật khác là Tổ Khánh Hòa – người được xem là linh hồn của phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam. Ông chủ trương cải cách tổ chức Tăng đoàn, lập hội Phật học Lưỡng Xuyên, khai mở trường Phật học, vận động in kinh bằng quốc ngữ để Phật tử dễ tiếp cận. Trong *Lời kêu gọi chấn hưng* (1931), ông viết: “Phật pháp suy vi là do lòng người hèn yếu. Nay muốn chấn hưng đạo, trước hết phải chấn hưng tâm hồn dân tộc”. (*Từ Bi Âm*, số 1, 1931)

Theo Trần Mỹ Vĩnh (2010), “các nhà sư trong phong trào chấn hưng đều có chung nhận thức: hoằng pháp là cứu dân, phục hưng đạo pháp là phục hưng đất nước” (*Trần Mỹ Vĩnh, Phật giáo Nam Kỳ và tinh thần yêu nước*, tr. 223).

2.4 Hình thành các tổ chức Phật giáo yêu nước

Sự kết hợp giữa tinh thần dân tộc và đạo Phật dẫn đến việc hình thành nhiều tổ chức Phật giáo có định hướng chính trị rõ rệt. Đầu tiên là các Hội Phật học tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn; sau đó, là sự ra đời của Giáo hội Tăng già Bắc Việt (1949), Hội Phật giáo Cứu quốc (1951) và Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước (1955).

Tại Hội nghị Mặt trận Liên Việt toàn quốc năm 1951, nhiều đại biểu Tăng sĩ tham gia, trong đó có cố Hòa thượng Thích Trí Hải, cố Hòa thượng Thích Đức Nhuận - những người về sau giữ vai trò quan trọng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong lời phát biểu tại hội nghị, HT. Thích Đức Nhuận nhấn mạnh: “Là người tu hành, chúng tôi không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh của toàn dân vì độc lập - vì chính Phật pháp dạy chúng tôi thương dân, cứu khổ, hoằng pháp lợi sinh.” (*Biên niên sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, 2005, tr. 197)

Sự ra đời của Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, chính thức xác lập mối quan hệ giữa Phật giáo và cách mạng dân tộc. Theo tài liệu lưu trữ của Ban Tôn giáo Chính phủ (2009), “Ủy ban đóng vai trò như cầu nối giữa giới Tăng sĩ và chính quyền cách mạng, đồng thời phản bác âm mưu lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc” (Ban Tôn giáo Chính phủ, *Kỷ yếu Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước*, tr. 45).

3. Phật giáo trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

3.1 Bối cảnh lịch sử và nhu cầu nhập thế của Phật giáo

Từ sau năm 1945, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sau đó là chống đế quốc Mỹ. Bối cảnh chính trị - xã hội lúc này đòi hỏi các tôn giáo không chỉ đóng vai trò tinh thần mà còn trở thành một phần trong sức mạnh kháng chiến toàn dân. Với truyền thống “hộ quốc an dân”, nhiều Tăng sĩ Phật giáo đã chủ động dấn thân vào công cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc.

Theo Ban Tôn giáo Chính phủ (2009), “ngay trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, nhiều vị sư đã lên rừng, xuống chiến khu, làm liên lạc viên, y tá, giảng sư cho đồng bào và bộ đội” (*Kỷ yếu Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước*, tr. 64). Phật giáo không còn chỉ hiện diện trong chùa chiền, mà đi vào chiến khu, bệnh xá, giảng đường, trở thành một phần của mặt trận chính trị và tinh thần.

3.2 Hội Phật giáo Cứu quốc và các tổ chức Phật giáo kháng chiến

Từ năm 1946, nhiều Tăng sĩ và Cư sĩ Phật tử đã gia nhập Mặt trận Việt Minh và Hội Phật giáo Cứu quốc, một tổ chức được thành lập vào tháng 4 năm 1951 tại Đại hội Mặt trận Liên Việt. Tổ chức này tập hợp giới Phật giáo yêu nước, đóng vai trò trung gian giữa đạo Phật và chính quyền cách mạng.

Hình minh họa tạo bởi AI

Một số nhân vật tiêu biểu gồm:

+ Hòa thượng Thích Đức Nhuận - ủy viên Mặt trận Tổ quốc, đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên, sau là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.

+ Hòa thượng Thích Trí Hải - Trụ trì chùa Phúc Khánh (Hà Nội), đã vận động Phật tử đóng góp tài lực, vật lực cho kháng chiến.

Theo *Biên niên sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* (2005), Hội Phật giáo Cứu quốc có chi bộ hoạt động tại Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Trị... và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Liên Việt trong việc vận động quần chúng Phật tử ủng hộ cách mạng (tr. 203-205). Trong một bức thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Phật giáo Cứu quốc khẳng định: “Chúng tôi là người tu đạo, nhưng cũng là người Việt Nam, có trách nhiệm gìn giữ giang sơn và bảo vệ sự thật. Chúng tôi thấy rằng đạo Phật và lý tưởng cách mạng không trái nhau, mà cùng chung lý tưởng giải thoát và nhân đạo”. (*Kỷ yếu Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước, tr. 71)*

3.3 Các vị Tăng sĩ tiêu biểu trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ

3.3.1 Hòa thượng Thích Mật Thể (1912-1961)

Ngài là một trong những trí thức Tăng sĩ tiêu biểu thời kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm nổi bật của Ngài là *Phật giáo Việt Nam*, viết trong thời kỳ chiến tranh, với lập trường rõ ràng: “Phật giáo phải đứng về phía nhân dân, phía độc lập, dân tộc và dân chủ”. Hòa thượng Thích Mật Thể cũng từng tham gia giảng dạy tại Khu học xá Nam Ninh (Trung Quốc), góp phần đào tạo cán bộ Phật tử cho Việt Minh và sau này là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngài viết: “Nếu Phật giáo không cùng dân tộc mà sống, thì sẽ không thể sống còn với lịch sử”. (*Phật giáo Việt Nam*, *1956, tr. 14)*

3.3.2 Hòa thượng Thích Thiện Chiếu (1898-1974)

Ngài là một trí thức yêu nước, vừa là nhà tu, nhà báo, vừa là nhà cách mạng. Trong thập niên 1940, Ngài cùng các trí thức Nam Bộ đã tham gia tổ chức các lớp giáo lý - yêu nước tại chùa Linh Sơn (Sài Gòn) và in ấn các tài liệu tuyên truyền như *Phật học Tân thư*, *Duy Tâm Phật học*, cổ vũ cho Phật giáo nhập thế. Sau này, khi Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo, Ngài là một trong những người ký tên vào các bản yêu cầu bãi bỏ chính sách phân biệt tôn giáo tại miền Nam.

3.3.3 Hòa thượng Thích Thanh Tứ (1927-2011)

Ngài là một trong những Tăng sĩ tiêu biểu có đóng góp to lớn cho phong trào yêu nước và sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam. Ngài không chỉ là nhà tu

hành đạo hạnh mà còn là một chiến sĩ cách mạng dấn thân vì độc lập dân tộc và vì đạo pháp trong suốt hai cuộc kháng chiến và cả thời kỳ hậu chiến.

Ngay từ những năm 1945-1946, Hòa thượng đã tham gia Việt Minh, hoạt động trong phong trào yêu nước tại quê hương Ninh Bình. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, Ngài bắt liên lạc với lực lượng cách mạng, từng giữ nhiều vai trò quan trọng như tổ chức Phật tử, làm liên lạc viên giữa các cơ sở Phật giáo với các tổ chức cách mạng, đồng thời vận động Tăng Ni ủng hộ kháng chiến.

Sau năm 1954, Hòa thượng tiếp tục gắn bó với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc. Ngài là một trong những người đóng vai trò tích cực trong Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước, cổ vũ tinh thần đoàn kết giữa đạo và đời, giữa Phật giáo và Nhà nước cách mạng.

Trong thời kỳ Mỹ - Diệm và chiến tranh chia cắt đất nước, Hòa thượng Thích Thanh Tứ luôn thể hiện quan điểm hòa bình - hòa hợp dân tộc, phản đối chia rẽ tôn giáo và kêu gọi thống nhất đất nước. Ngài cũng là người có công lớn trong việc tổ chức các hội nghị Phật giáo khu vực phía Bắc và sau năm 1975, là một trong những kiến trúc sư tinh thần cho sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981. Trong các phát biểu, Hòa thượng luôn nhấn mạnh sự cần thiết của việc gắn đạo với đời, xem việc phụng sự dân tộc là con đường hoằng pháp cao quý nhất. Ngài từng nói: “Đạo pháp không thể đứng ngoài dân tộc. Đạo pháp thịnh thì dân tộc hưng, dân tộc yên thì đạo pháp mới có môi trường phát triển”. *(Phát biểu tại Hội nghị Ủy ban Trung ương MTTQVN năm 2004)*

3.3.4 Hòa thượng Thích Quảng Độ (1928-2020)

Thích Quảng Độ là một nhà tu đồng thời là nhà đấu tranh nhân quyền và phản đối chiến tranh. Sau năm 1963, Ngài bị bắt và quản thúc vì hoạt động chống chế độ độc tài Diệm, bảo vệ quyền bình đẳng tôn giáo. Trong bản điều trần gửi Quốc hội Mỹ năm 1966, Ngài viết: “Phật giáo không chấp nhận bất cứ chế độ nào lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc. Chúng tôi nguyện sống cùng dân tộc và vì dân tộc”. (*Bản điều trần của HT. Quảng Độ, lưu trữ Viện Phật học, 1966)*

3.4 Những nam nữ Cư sĩ yêu nước góp phần thâm lặng mà kiên cường

Bên cạnh các vị Tăng sĩ nhập thế, một lực lượng quan trọng khác trong truyền thống Phật giáo yêu nước là những nam nữ Cư sĩ Phật tử. Họ không khoác áo nâu sồng, không giảng đạo nơi pháp tòa, nhưng lại là những người gìn giữ ngọn

lửa đạo pháp giữa đời sống thế tục - và trong nhiều trường hợp, họ cũng là những chiến sĩ yêu nước, những nhà giáo dục, văn hóa và cách mạng thầm lặng. Trong thời phong kiến, các Cư sĩ thường là người dân làng quê, vừa canh tác vừa phụng sự Tam Bảo qua việc dựng chùa, giữ gìn lễ hội, bảo tồn phong tục Phật giáo trong cộng đồng. Nhưng đến thời cận - hiện đại, khi đất nước bị thực dân xâm lược, vai trò của họ dần mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác, từ truyền bá văn hóa, khai dân trí cho đến tổ chức kháng chiến, in ấn báo chí, vận động đấu tranh. Một số nhân vật tiêu biểu:

3.4.1 Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) - Cư sĩ yêu nước, nhà báo Phật tử

Một trong những Cư sĩ tiêu biểu là Huỳnh Thúc Kháng, người sáng lập báo *Tiếng Dân*, từng giữ chức quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi Chủ tịch Hồ Chí Minh vắng mặt (1946). Dù là nhà Nho, ông đồng thời là một Phật tử hộ pháp thuần thành, từng viết bài trên các tạp chí Phật học như *Viên Âm*, *Từ Bi Âm*, kêu gọi chấn hưng đạo pháp song hành với phục hưng tinh thần dân tộc. Trong một bài viết năm 1936, ông viết: “Phật giáo là đạo của lòng từ, đạo của dân tộc. Dân tộc mất, đạo cũng suy. Chấn hưng đạo, tức là giữ lấy hồn nước”. (*Viên Âm*, 1936, tr. 12)

3.4.2 Đoàn Trung Còn (1908-1992) - Cư sĩ trí thức, dịch giả Phật học

Một Cư sĩ khác là Đoàn Trung Còn, nhà dịch thuật và biên khảo Phật học nổi tiếng, tác giả của hàng chục đầu sách phổ cập giáo lý cho đại chúng, như *Luận về Tứ diệu đế*, *Nghiệp và tái sinh*, *Từ điển Phật học Hán-Việt*. Ông sử dụng khả năng Hán học để diễn dịch giáo lý Phật giáo thành tri thức khai sáng cho người dân Việt trong thời đại Tây học và thực dân. Ông cho rằng việc truyền bá đúng giáo lý cũng là “một hành vi yêu nước vì giúp dân giữ vững đạo đức và căn tính văn hóa dân tộc” (*Đoàn Trung Còn, 1963*).

3.4.3 Nhiều nữ Cư sĩ âm thầm phụng sự và nuôi chí cách mạng

Không thể không kể đến vai trò của các nữ Cư sĩ, tuy ít được ghi chép, nhưng họ chính là những người mẹ, người vợ, người chị - vừa nuôi dưỡng đạo hạnh trong gia đình, vừa ẩn mình trong các phong trào yêu nước. Trong thời chiến, không ít nữ Cư sĩ đã che giấu cán bộ, in tài liệu kháng chiến, nuôi bộ đội, hoặc tham gia công tác hậu cần trong các chùa như chùa Tường Vân, chùa Giác Minh, chùa

Phật Tích ở các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Theo *Kỷ yếu Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước* (2009), tại nhiều làng quê, các gia đình Phật tử đã biến chùa làng thành điểm họp bí mật của Việt Minh, "với người mẹ thắp nhang cúng Phật bên ngoài và con gái pha trà đãi cán bộ bên trong" (tr. 66). Những đóng góp ấy tuy thầm lặng nhưng là chất keo nối đạo và đời, là nơi Phật giáo đồng hành cùng vận mệnh quốc gia không chỉ từ chùa tháp mà từ mái nhà dân dã.

3.5 Văn học và báo chí Phật giáo - nơi lan tỏa tinh thần yêu nước

Trong thời kỳ kháng chiến, báo chí và văn học Phật giáo đóng vai trò truyền cảm hứng và cổ vũ lòng yêu nước. Các tờ báo như *Liên Hoa*, *Từ Bi Âm*, *Giác Ngộ* , *Phật học Tùng thư*... không chỉ nói về giới luật, thiền học mà còn phản ánh nỗi đau mất nước, khơi dậy tinh thần phản kháng. Thơ văn của các Tăng sĩ, như Thiền sư Trí Hải, Khánh Anh, hay thậm chí là các Cư sĩ như Phạm Quỳnh, Huỳnh Thúc Kháng, đều mang hơi thở yêu nước, thể hiện rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo. Trong bài viết "Đạo Phật và lòng dân", Phạm Quỳnh từng viết: "Đạo Phật Việt Nam là đạo của dân tộc Việt Nam, nếu mất dân tộc thì đạo cũng không còn." (*Nam Phong tạp chí*, *số 118, 1932)*

4. Phật giáo sau năm 1975 và tinh thần đại đoàn kết dân tộc

4.1 Bối cảnh lịch sử sau 1975 và nhu câu thống nhất Phật giáo

Sau khi đất nước được giải phóng hoàn toàn vào năm 1975, một yêu cầu cấp thiết được đặt ra là thống nhất các tổ chức Phật giáo vốn phân tán trong suốt chiều dài chiến tranh. Trước đó, do hoàn cảnh chính trị - xã hội khác biệt giữa hai miền, Phật giáo Việt Nam đã hình thành nhiều tổ chức riêng rẽ như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Tăng già Cổ truyền, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước, Hội Phật giáo Việt Nam Cứu quốc...

(Ảnh: Internet)

Trước thềm thống nhất đất nước, giới lãnh đạo Phật giáo đã nhận thức rõ rằng nếu không có một tổ chức chung thì Phật giáo không thể phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc trong giai đoạn hòa bình và phát triển. Theo HT. Thích Đức Nhuận: “Muốn đất nước thống nhất, Phật giáo cũng cần thống nhất. Chỉ có thống nhất mới tạo nên sức mạnh đại đoàn kết tôn giáo vì dân tộc”. (*Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ I*, 1981, tr. 12)

4.2 Sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981)

Ngày 7 đến 11 tháng 11 năm 1981, Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ I được tổ chức tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), đánh dấu sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) - một tổ chức thống nhất duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử cả nước. GHPGVN là kết quả của sự hợp nhất 9 tổ chức Phật giáo lớn trong và ngoài nước, với phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội.”

Sự kiện này không chỉ là một bước ngoặt trong lịch sử Phật giáo Việt Nam mà còn là biểu hiện sinh động của tinh thần đại đoàn kết tôn giáo trong thời đại mới. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ (2011), “sự ra đời của GHPGVN là một biểu hiện tiêu biểu cho chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đồng thời thể hiện nguyện vọng của toàn thể Tăng Ni, Phật tử về một sự hòa hợp, đoàn kết vì dân tộc” (*Kỷ yếu 30 năm GHPGVN*, *tr. 17).*

Hòa thượng Thích Trí Thủ - người được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự đầu tiên đã khẳng định tại đại hội: “Chúng ta không những thống nhất tổ chức, mà còn thống nhất cả tâm nguyện: sống tốt đời, đẹp đạo, làm người Phật tử trong thời đại Hồ Chí Minh”.

4.3 Quan hệ giữa GHPGVN và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Ngay từ khi thành lập, GHPGVN đã trở thành một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) đại diện khối đại đoàn kết toàn dân tộc. GHPGVN không chỉ tham gia Mặt trận với tư cách một tôn giáo, mà còn là một lực lượng đóng góp thiết thực cho các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xóa đói giảm nghèo”, “Vì người nghèo”, “Đền ơn đáp nghĩa”.v.v.

Theo Báo cáo của Ban Tôn giáo Trung ương (2021), trong giai đoạn 2010-2020, GHPGVN đã đóng góp trên 8.000 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện xã hội, cứu trợ thiên tai, xây dựng trường học và nhà tình nghĩa (*Báo cáo tổng kết 40 năm GHPGVN*, tr. 66). GHPGVN cũng là tổ chức có nhiều đại biểu tham gia Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp, góp phần vào quá trình xây dựng chính sách, giám sát và kiến tạo cộng đồng hài hòa.

4.4 Hoạt động hoằng pháp - từ bi - hòa hợp trong thời đại mới

Sau 1975, hoạt động hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam được đẩy mạnh theo hướng gắn bó với cộng đồng và phát huy truyền thống yêu nước qua tinh thần nhập thế. Nhiều trung tâm Phật học được mở lại hoặc xây dựng mới như: Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, TP.HCM, Huế và Cần Thơ, đào tạo hàng ngàn Tăng Ni có học thức và năng lực phục vụ xã hội.

Đặc biệt, trong thời điểm đại dịch COVID-19 (2020-2022), GHPGVN đã kêu gọi Tăng Ni, Phật tử tham gia tuyến đầu chống dịch, tổ chức nấu cơm miễn phí, quyên góp vật tư y tế, và hỗ trợ tâm lý cho người dân. Thượng tọa Thích Nhật Từ nhận định: “Chính tinh thần từ bi - vô úy - vô ngã của Phật giáo đã giúp Tăng Ni trở thành những tình nguyện viên vô danh, góp phần tạo nên lá chắn tinh thần cho cộng đồng”. (*Bản tin GHPGVN TP.HCM*, *2021)*

Phật giáo không chỉ hiện diện trong lĩnh vực tâm linh mà còn trong đời sống xã hội, truyền thông, giáo dục và môi trường. Các hoạt động “Tuổi trẻ Phật giáo với đất nước”, “Vì biển đảo quê hương”, “Hiến máu nhân đạo”... là minh chứng cụ thể cho việc hoằng pháp gắn liền với phụng sự dân tộc.

5. Phân tích tương quan giữa tư tưởng Phật giáo và lý tưởng yêu nước

5.1 Từ bi và yêu nước: hai dòng chảy cùng hướng

Trong tư tưởng Phật giáo, lòng **từ bi** là nguyên lý đạo đức tối thượng, biểu hiện qua hành động "cứu khổ ban vui" đối với tất cả chúng sinh. Trong khi đó, chủ nghĩa yêu nước - trong bối cảnh Việt Nam - là lòng trung thành tuyệt đối với đất nước, sự hy sinh vì độc lập và sự sống còn của dân tộc. Hai giá trị tưởng như khác biệt - một thiên về tôn giáo, một thuộc phạm trù chính trị - nhưng trong lịch sử và thực tiễn, chúng không đối nghịch mà bổ sung và nuôi dưỡng lẫn nhau.

Tư tưởng từ bi của đạo Phật không chỉ là cảm xúc, mà là động lực hành động. Theo Hòa thượng Thích Trí Quang (2006), "từ bi không thể là sự đứng ngoài thời cuộc. Từ bi đích thực là nhập cuộc, là hành động vì an vui của tha nhân - tức là yêu nước theo cách của Phật tử" (*Tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam*, tr. 51). Lòng yêu nước, nếu thiếu từ bi, có thể trở thành cực đoan; ngược lại, từ bi không hành động vì dân tộc thì chỉ là sự yếm thế.

Trong lịch sử Việt Nam, tinh thần yêu nước mang sắc thái tôn giáo sâu đậm, bởi sự đồng nhất giữa "Tổ quốc - Đạo pháp - Nhân dân". Như Nguyễn Lang (2000) từng chỉ ra, "Phật giáo Việt Nam chưa từng đứng ngoài vận mệnh dân tộc, bởi yêu nước cũng là một hình thái nhập thế" (*Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr. 441).

5.2 Vô ngã và sự cống hiến vô điều kiện

Một trong những điểm đặc biệt giúp Phật giáo hòa nhập được với lý tưởng cách mạng là tư tưởng vô ngã. Trong truyền thống chính trị, cống hiến cho đất nước thường được lý giải qua tinh thần trách nhiệm công dân; trong Phật giáo, đó là kết quả của quá trình vượt thoát bản ngã - một lý tưởng sâu sắc hơn.

Chính nhờ lý tưởng vô ngã mà nhiều vị Tăng sĩ không màng danh lợi, quyền lực, không ngại tù tội hay hy sinh. Như Hòa thượng Thích Mật Thể từng viết: "Người tu không phải vì mình mà vì chúng sinh. Nước mất, đạo suy; đạo suy thì lòng từ không còn. Vậy nên giữ đạo tức là giữ nước". (*Phật giáo Việt Nam*, 1956, *tr. 17)*

Vô ngã không phủ nhận trách nhiệm, mà khiến trách nhiệm trở nên vô điều kiện, không phân biệt đảng phái, không điều kiện vật chất, chỉ hướng đến sự an lạc của nhân dân và tồn vong của dân tộc.

5.3 Tư tưởng Phật giáo như nền tảng của đoàn kết và khoan dung dân tộc

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không thuần túy là một khái niệm dân tộc học, mà là tổng hòa của nhiều yếu tố văn hóa - đạo đức - lịch sử. Trong đó, Phật giáo đóng vai trò như một "lực lượng mềm" hình thành nên bản sắc bao dung, hòa hợp và tôn trọng khác biệt.

Tư tưởng "lục hòa" trong đạo Phật là sống chung hòa hợp trong tinh thần tôn trọng và bình đẳng - đã được vận dụng như một nguyên lý trong các tổ chức chính trị - xã hội hiện đại. Chính nguyên tắc này giúp Phật giáo góp phần định hình nên tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc - một trong những trụ cột tư tưởng của cách mạng Việt Nam.

Theo Lê Mạnh Thát (2001), "Phật giáo đã giúp xã hội Việt Nam hình thành một triết lý sống: hòa mà không tan, dung hợp mà không đánh mất bản sắc - điều này lý giải vì sao dân tộc ta trường tồn qua biến động". (*Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, *tr. 109).*

5.4 Chủ nghĩa yêu nước như một hình thái nhập thế của đạo Phật

Từ góc nhìn Phật học, yêu nước - nếu được soi chiếu bằng trí tuệ và từ bi - không phải là một hình thức ràng buộc thế tục, mà là sự ứng dụng Phật pháp vào đời sống cụ thể. Đó là hành động nhập thế để "độ sinh", không rời bản chất giác ngộ.

Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Bồ tát Phổ Hiền phát nguyện: "Vì lợi ích cho thế gian, con nguyện vào sinh tử, không ngại khó khăn, để độ tất cả." Đây không chỉ là ngôn ngữ tôn giáo, mà cũng là tinh thần của người yêu nước: dấn thân không điều kiện, cống hiến vì hạnh phúc tha nhân. Chính vì vậy, Phật giáo không đối lập với chủ nghĩa yêu nước, mà là một nền tảng triết học - đạo đức - tâm linh nâng đỡ cho lòng yêu nước được phát triển theo hướng khai phóng, từ bi và bền vững.

Kết luận

Trong tiến trình lịch sử đấu tranh giành độc lập và bảo vệ tổ quốc, Phật giáo Việt Nam đã không đứng ngoài dòng chảy dân tộc, mà luôn nhập thế, đồng hành và góp phần kiến tạo nên một hình thái chủ nghĩa yêu nước mang đậm tinh thần nhân văn, bao dung và khai phóng. Bằng nền tảng tư tưởng từ bi, vô

ngã và lý tưởng Bồ tát đạo, đạo Phật đã tạo nên một lực lượng tinh thần vững bền cho người Việt Nam trong những thời khắc gian nguy nhất của đất nước.

Từ thời Lý - Trần, các vị thiền sư - vua hóa Phật, Phật nhập triều - đã thể hiện mối tương quan biện chứng giữa đạo và đời. Bước sang thời cận - hiện đại, các phong trào yêu nước như Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, hay kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đều có sự hiện diện tích cực của giới Tăng sĩ và Cư sĩ Phật tử. Nhiều người trong số đó không chỉ dấn thân vì đạo, mà còn vì độc lập dân tộc, vì quyền sống và phẩm giá của con người. Sự hình thành của các tổ chức như Hội Phật giáo Cứu quốc, Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước, và đặc biệt là sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, là những minh chứng sống động cho nỗ lực hội nhập và phụng sự Tổ quốc của Phật giáo.

Mối quan hệ giữa Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước không chỉ là một hiện tượng lịch sử, mà còn là một định hướng văn hóa - chính trị sâu sắc. Đạo Phật cung cấp cho tinh thần yêu nước một chiều sâu đạo đức và một định hướng từ bi, hòa giải; trong khi đó, chủ nghĩa yêu nước giúp Phật giáo vượt ra khỏi giới hạn tự thân để hiện thực hóa lý tưởng hoằng pháp lợi sinh một cách cụ thể và thiết thực.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào giai đoạn hội nhập và phát triển bền vững, vai trò của Phật giáo cần tiếp tục được phát huy trong các lĩnh vực như giáo dục đạo đức công dân, xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn di sản, và nhất là trong công cuộc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Việc phát huy tinh thần “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” không nên dừng lại ở khẩu hiệu, mà cần được cụ thể hóa qua hành động: từ những khóa tu nhân văn, các chương trình từ thiện gắn với vùng sâu vùng xa, đến những hoạt động bảo vệ môi trường, ứng dụng số hóa trong hoằng pháp và gìn giữ bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Tóm lại, mối tương tác giữa Phật giáo và chủ nghĩa yêu nước là một biểu hiện đặc thù của truyền thống văn hóa tâm linh Việt Nam. Đó không chỉ là lịch sử đã qua, mà còn là di sản sống động, cần tiếp tục gìn giữ, nuôi dưỡng và phát triển như một phần không thể thiếu trong hành trình kiến tạo một xã hội an lạc, văn minh và giàu bản sắc.

Tác giả: **Thích Quảng Minh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

***

Tài liệu tham khảo:

1] Ban Tôn giáo Chính phủ. (2009). *Kỷ yếu Ủy ban Liên lạc Phật giáo yêu nước*. Hà Nội: NXB Tôn giáo.

2] Ban Tôn giáo Chính phủ. (2011). *Kỷ yếu 30 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2011)*. Hà Nội: NXB Tôn giáo.

3] Báo cáo của Ban Tôn giáo Trung ương. (2021). *Báo cáo tổng kết 40 năm GHPGVN*. Hà Nội: Ban Tôn giáo Chính phủ.

4] Đại Việt sử ký toàn thư (Tập I). (1998). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

5] Hồ Chí Minh. (2000). *Hồ Chí Minh toàn tập* (Tập 10). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

6] Lê Cung. (2006). *Vai trò của Phật giáo trong lịch sử dân tộc*. TP.HCM: NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

7] Lê Mạnh Thát. (2001). *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*. TP.HCM: NXB Tổng hợp TP.HCM.

8] Lê Mạnh Thát. (2001). *Toàn tập Trần Nhân Tông*. TP.HCM: NXB Tổng hợp TP.HCM.

9] Nguyễn Duy Hinh. (1995). *Phật giáo và văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Tôn giáo.

10] Nguyễn Lang. (2000). *Việt Nam Phật giáo sử luận* (Tập 1–3). Hà Nội: NXB Văn học.

11] Nguyễn Q. Thắng. (2004). *Phong trào Duy Tân và tôn giáo*. Huế: NXB Thuận Hóa.

12] Rahula, W. (1974). *What the Buddha Taught*. New York: Grove Press.

13] Trần Mỹ Vĩnh. (2010). *Phật giáo Nam Kỳ và tinh thần yêu nước*. TP.HCM: NXB Tổng hợp TP.HCM.

14] Trần Văn Giàu. (1997). *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam* (Tập 2). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

15] Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (2005). *Biên niên sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1945-2005)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.